

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/09/2026 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ nhu cầu khám, chữa bệnh các khoa và kế hoạch phát triển của Bệnh viện.

Bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm một số mặt hàng hóa chất bổ sung lần 4 năm 2026 tại Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An theo hình thức chào giá trực tuyến rút gọn thuộc dự toán: Gói thầu: Mua sắm một số mặt hàng hóa chất bổ sung lần 4 năm 2026 tại Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An theo hình thức chào giá trực tuyến rút gọn với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

- Tên đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An
- Địa chỉ: Thôn Sông Lam, xã Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

DS Ngân Văn Hoan - Trưởng Khoa dược Bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An - SĐT: 0975.437.108

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Bản cứng báo giá và các hồ sơ liên quan gửi trực tiếp về địa chỉ: Khoa Dược, Bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An - Thôn Sông Lam, xã Con Cuông, tỉnh Nghệ An. SĐT: 0975.437.108

- Đồng thời gửi file mềm báo giá và các hồ sơ liên quan qua mail: hoanna68@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá

Bản báo giá gửi về Bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An: 15 ngày kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (<https://muasamcong.mpi.gov.vn>).

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được đơn vị xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày hãng sản xuất hoặc nhà cung cấp chào báo giá theo nội dung của Thư mời chào báo giá này.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá: Tại Phụ lục 1 đính kèm công văn này.

2. Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:

- Địa điểm cung cấp: Khoa dược, Bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An - Thôn Sông Lam, xã Con Cuông, tỉnh Nghệ An

- Yêu cầu vận chuyển, bảo quản hàng hóa: Hàng hóa được vận chuyển và bảo quản theo đúng tính chất của loại hàng hóa chào giá.

3. Thời gian giao hàng dự kiến:

- Thời gian giao hàng: Không quá 5 ngày kể từ khi đơn vị đặt hàng.

- Thời điểm giao hàng dự kiến: Hàng hóa được cung ứng nhiều lần trong vòng 12 tháng kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

4. Mẫu báo giá: Phụ lục 02 đính kèm công văn này, kèm theo:

- Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa.

Trên đây là yêu cầu báo giá Gói thầu: Mua sắm một số mặt hàng hóa chất bổ sung lần 4 năm 2026 tại Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An theo hình thức chào giá trực tuyến rút gọn thuộc Dự toán mua sắm Gói thầu: Mua sắm một số mặt hàng hóa chất bổ sung lần 4 năm 2026 tại Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An theo hình thức chào giá trực tuyến rút gọn.

Kính mong nhận được sự quan tâm của các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ BV;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Lê Xuân Hồng

PHỤ LỤC 1. DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BẢO GIÁ

(Kèm theo Công văn số 967/BVĐKKVTN-KD ngày 17/09/2026 của Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An)

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
1	HC01	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng AFP	Hộp	1	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Alpha-fetoprotein (AFP) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1,C2: AFP ở 2 mức nồng độ.
2	HC02	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA125	Hộp	1	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Cancer Antigen 125 (CA125) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1,C2: CA125 ở 2 mức nồng độ.
3	HC03	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA15-3	Hộp	1	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Cancer Antigen 15-3 (CA15-3) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1,C2: CA15-3 ở 2 mức nồng độ .

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
4	HC04	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA19-9	Hộp	1	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Carbohydrate Antigen 19-9 (CA19-9) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1,C2: CA19-9 ở 2 mức nồng độ.
5	HC05	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA72-4	Hộp	1	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Cancer Antigen 72-4 (CA72-4) *Quy cách C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ * Thành phần: CA 72-4 trong đệm Albumin huyết thanh người (HSA) ở 3 mức nồng độ.
6	HC06	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CEA	Hộp	1	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng carcinoembryonic antigen (CEA) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1,C2: CEA ở 2 mức nồng độ.
7	HC07	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Procalcitonin	Hộp	1	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Procalcitonin (PCT) *Quy cách: C0:1×1.2 mL/lọ; C1:1×1.0 mL/lọ ; C2:1×1.0 mL/lọ * Thành phần: PCT trong đệm Albumin huyết thanh bò (BSA) ở 3 mức nồng độ

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
8	HC08	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA toàn phần	Hộp	1	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng total prostate specific antigen (t-PSA) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ * Thành phần: PSA trong đệm Albumin huyết thanh bò (BSA) ở 3 mức nồng độ.
9	HC09	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T3	Hộp	1	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng total triiodothyronine (T3) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ * Thành phần: T3 tổng hợp ở 3 mức nồng độ
10	HC10	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng β-HCG	Hộp	1	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Total β human chorionic gonadotropin (HCG) *Quy cách: C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ; C2:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: HCG trong đệm Albumin huyết thanh bò (BSA) ở 3 mức nồng độ
11	HC11	Cuvet cho máy đông máu	Túi	10	Cuvet cho máy đông máu, sử dụng phù hợp cho máy xét nghiệm đông máu đang sử dụng. Túi 2.000 cái
12	HC12	Cuvet dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Hộp	4	Cuvette phản ứng dùng cho máy CL-2000i Quy cách: (126 *24 chiếc)/hộp
13	HC13	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Thùng	6	Dung dịch dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch các dòng CL của Mindray. *Thành phần: Đệm Tris, chất hoạt động bề mặt, chất bảo quản Quy cách: Thùng 10L
14	HC14	Dung dịch rửa máy đông máu	Hộp	12	Dung dịch rửa được sử dụng trong máy phân tích đông máu tự động. Thành phần: Sodium hypochlorite 1,0% (nồng độ clo hoạt tính). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Quy cách: 1x30ml

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
15	HC15	Hóa chất kích hoạt phản ứng hóa phát quang trong xét nghiệm miễn dịch	Hộp	8	Thuốc thử dùng cho các máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang dòng CL của Mindray *Thành phần: Dung dịch đệm chứa AMPPD, chất huỳnh quang và chất hoạt động bề mặt Quy cách: 75ml*4/ hộp
16	HC16	Hóa chất kiểm chuẩn (QC) xét nghiệm đông máu mức bất thường	Hộp	2	Hóa chất kiểm chuẩn (QC) xét nghiệm đông máu mức bất thường sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu tự động. Được sử dụng như một kiểm soát chất lượng trong các xét nghiệm đông máu. Sử dụng huyết tương chống đông natri citrate để mô phỏng các mẫu huyết tương lâm sàng thông thường trong quá trình phân tích đông máu và trong quá trình xét nghiệm và phân tích đông máu, thay thế các mẫu huyết tương lâm sàng để xét nghiệm. Kết quả kiểm tra đáp ứng các yêu cầu tương ứng. Thành phần: Sodium citrate anticoagulated plasma. Quy cách: 1x10ml
17	HC17	Hóa chất kiểm chuẩn (QC) xét nghiệm đông máu mức bình thường	Hộp	2	Hóa chất kiểm chuẩn (QC) xét nghiệm đông máu mức bình thường sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu tự động. Được sử dụng như một kiểm soát chất lượng trong các xét nghiệm đông máu. Sử dụng huyết tương chống đông natri citrate để mô phỏng các mẫu huyết tương lâm sàng thông thường trong quá trình phân tích đông máu và trong quá trình xét nghiệm và phân tích đông máu, thay thế các mẫu huyết tương lâm sàng để xét nghiệm. Kết quả kiểm tra đáp ứng các yêu cầu tương ứng. Quy cách: 1x10ml

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
18	HC18	Hóa chất rửa máy huyết học	Hộp	15	Công dụng: được sử dụng như một chất tẩy rửa có tính kiềm mạnh cho máy xét nghiệm huyết học tự động. Bảo bảo ở 1 - 30 độ C, nơi tối, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày Quy cách: 1 x50 ml Thành phần: Sodium hypochlorite (có chứa chlorine nồng độ 5%) Tương thích với máy XP-100
19	HC19	Hóa chất xét nghiệm APTT trong đông máu (kèm CaCl ₂)	Hộp	10	Hóa chất dùng để xác định Thời gian Thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT) của huyết tương người. Nguyên lý: Sử dụng chất hoạt hóa là Ellagic acid và brain cephalin (partial thromboplastin) để kích hoạt yếu tố XII và XI của con đường đông máu nội sinh. Dưới sự hiện diện của ion Canxi, fibrinogen chuyển thành fibrin không hòa tan. Máy sẽ đo thời gian đông máu bằng phương pháp đo độ đục quang học. Thành phần: R1: Thuốc thử APTT: Ellagic acid, rabbit brain cephalin; R2: Dung dịch CaCl ₂ : 25mmol/L calcium chloride. Bảo quản ở 2-8°C, tuyệt đối không đông đá. Hạn sử dụng 12 tháng. Sau khi mở nắp, hóa chất cực kỳ ổn định lên tới 30 ngày (ở 2-8°C). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Quy cách: R1: 2 mL×10, R2: 30 mL×1;
20	HC20	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT trong máu	Hộp	9	Hóa chất dùng trong xét nghiệm GPT trong máu. Phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Độ tuyến tính lên đến: 1000 U/L. Bước sóng: 340 nm. Thành phần: Tris buffer (pH 7.5) 110 mmol/L; L-Alanine 600 mmol/L; LDH > 1500 U/L; α-ketoglutarate 16 mmol/L; NADH 0.24 mmol/L Quy cách: 4*100ml + 4*25ml /hộp. HSD: ≥ 6 tháng

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
21	HC21	Hóa chất xét nghiệm định lượng Amylase trong máu	Hộp	11	Hóa chất dùng trong xét nghiệm định lượng Amylase trong máu. Phương pháp: CNPG3. Độ tuyến tính lên đến: 2000 U/L. Bước sóng: 405 nm Thành phần: MES Buffer (pH6.0) 50mmol/L; CNPG3 2.27 mmol/L; Calcium chloride 60 mmol/L; Sodium chloride 70 mmol/L; Activator 900 mmol/L Quy cách: 4*10ml /hộp. HSD: ≥ 6 tháng
22	HC22	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT trong máu	Hộp	9	Hóa chất dùng trong xét nghiệm GOT trong máu. Phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Độ tuyến tính lên đến: 1000 U/L. Bước sóng: 340 nm Thành phần: Tris Buffer (pH 7.8) 88 mmol/L; L-Aspartate 260 mmol/L; LDH >1500 U/L; MDH > 900 U/L; α - ketoglutarate 12 mmol/L; NADH 0.24 mmol/L Quy cách: 4*100ml + 4*25ml /hộp. HSD: ≥ 6 tháng
23	HC23	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol LDL trong máu kèm chất hiệu chuẩn	Hộp	17	Hóa chất dùng trong xét nghiệm định lượng LDL-Cholesterol trong máu Phương pháp: Uricase - PAP. Độ tuyến tính lên đến: 25 mg/dL. Bước sóng: 546/660 nm. Thành phần: 4-Aminoantipyrin 0.5 mmol/l; CHE; CO 1.2 U/mL; Peroxidase; Good's buffer pH 6.3; N,N-bis(4-sulfobutyl)-m-toluidine; disodium salt (DSBmT) 1.0 mmol/l; Good's buffer pH 6.3; Calibrator Quy cách: 2*45ml + 1x30ml + Calibrator 1*3ml /hộp. HSD: ≥ 6 tháng

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
24	HC24	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine trong máu	Hộp	22	Hóa chất dùng trong xét nghiệm định lượng Creatinine trong máu. Phương pháp: Modified Jaffe's. Độ tuyến tính lên đến: 24 mg/dL. Bước sóng: 491/505 nm Thành phần: Picric Acid 8.73 mmol/L; Surfactant; Sodium hydroxide 300 mmol/L; Sodium Phosphate 25 mmol/L Quy cách: 4*50ml + STD: 1*4ml/hộp
25	HC25	Hóa chất xét nghiệm định lượng CRP trong máu kèm chất hiệu chuẩn	Hộp	35	Hóa chất dùng trong xét nghiệm định lượng CRP trong máu. Phương pháp: Đo độ đục miễn dịch tăng cường Latex. Độ tuyến tính lên đến: 200mg/L. Bước sóng: 570/800 nm. Thành phần: Glycine buffer; Latex suspension coated with anti-CRP antibodies. (rabbit polyclonal antibody); Calibrator: CRP calibrator concentration as on vial label. Quy cách: 2x24ml + 2x8ml + Calibrator: 2ml /hộp.
26	HC26	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea trong máu	Hộp	20	Hóa chất dùng trong xét nghiệm định lượng Urea trong máu. Phương pháp: Urease / GLDH. Độ tuyến tính lên đến 300 mg/dL. Bước sóng: 340 nm. Thành phần: Tris Buffer (pH 7.60) 100 mmol/L; ADP 0.7 mmol/L; a-ketoglutarate 9.0 mmol/L; Urease > 6500 U/L; GLDH > 1100 U/; NADH 0.25 mmol/L; 2-Oxoglutarate 5 mmol/L Quy cách: 2*100 + 2*25ml + STD: 1*4ml /hộp. HSD: ≥ 6 tháng

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
27	HC27	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen trong đông máu	Hộp	25	Hóa chất dùng để xác định nồng độ Fibrinogen (FIB) trong huyết tương người. Nguyên lý: phương pháp đông máu Clauss, khi có mặt lượng thrombin dư thừa, thời gian đông máu của mẫu huyết tương đã pha loãng tỷ lệ nghịch với nồng độ fibrinogen (theo thang đo log-log). Thời gian đông máu được đo trên thiết bị bằng phương pháp đo độ đục quang học (nephelometry), và nồng độ fibrinogen được xác định từ đường chuẩn. Thành phần: Sodium citrate anticoagulated plasma. Thành phần: R1: Thuốc thử FIB: Thrombin bò, chất ổn định; R2: Dung dịch đệm Imidazole: imidazole; R3: Huyết tương chuẩn FIB: Fibrinogen, chất ổn định. Bảo quản ở 2-8°C, tuyệt đối không đông đá. Hạn sử dụng 12 tháng. Sau khi mở nắp, hóa chất cực kỳ ổn định lên tới 30 ngày (ở 2-8°C). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Quy cách: R1: 2 mL×5, R2: 100 mL×1, R3: 1mL×1;
28	HC28	Hóa chất xét nghiệm PT trong đông máu	Hộp	15	Hóa chất dùng để xác định Thời gian Prothrombin (PT) của huyết tương người. Nguyên lý: Huyết tương bệnh nhân được thêm tissue thromboplastin và Canxi để kích hoạt con đường đông máu ngoại sinh, chuyển hóa fibrinogen thành fibrin. Thời gian đông máu được máy đo bằng phương pháp đo độ đục quang học (optical nephelometry method). Thành phần: R1: Thromboplastin chiết xuất từ não thỏ (Rabbit thromboplastin); R2: Dung dịch hoàn nguyên (Buffer). Bảo quản ở 2-8°C, tuyệt đối không đông đá. Hạn sử dụng 24 tháng. Sau khi hoàn nguyên, hóa chất ổn định trong 7 ngày ở 2-8°C. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Quy cách: 2 mL×10

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
29	HC29	Nước rửa đậm đặc trong việc rửa hệ thống thiết bị máy sinh hóa	Can	90	Dung dịch đậm đặc dùng trong việc rửa hệ thống thiết bị máy sinh hóa (làm sạch kim hút mẫu và hóa chất, thanh trộn và cuvette) Thành phần: Potassium Hydroxide (KOH), Nonionic, Surfactants, Polyanionic Surfactants, Bufers and Stabilizers.... Quy cách: 2L /Can. HSD: ≥ 6 tháng
30	HC30	Que thử nước tiểu 11 thông số	Hộp	200	Que thử nước tiểu 11 thông số dùng để định tính và bán định lượng các thông số nước tiểu: Urobilinogen, Bilirubin, Ketone (acetoacetic acid), Máu, Protein, Nitrite, Leukocytes, Glucose, tỷ trọng, pH và ascorbic acid
31	HC31	Thuốc thử xét nghiệm APTT	Hộp	6	Bộ hóa chất xét nghiệm aPTT sử dụng chất hoạt hóa axit Ellagic, dùng để xác định thời gian Thromboplastin từng phần hoạt hóa (aPTT) bằng phương pháp thủ công và tự động. Thành phần gồm có: - Hoá chất 1: Hóa chất aPTT-EL (6x10ml): Cephalin nảo thỏ < 1.0%, ellagic acid, sodium azide < 0,01%; Độ ổn định 14 ngày ở 2-8°C, 7 ngày ở 20-25°C. Quy cách: 6x10ml/Hộp

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
32	HC32	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AFP	Hộp	6	Hóa chất xét nghiệm định lượng alpha-fetoprotein (AFP) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 0.5-1210 ng/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng AFP trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng AFP – alkaline phosphatase trong đệm PBS với chất bảo quản. - Rc: Đệm TRIS có chất bảo quản. Quy cách: 2*50 Test/hộp
33	HC33	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA125	Hộp	6	Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên ung thư 125 (CA125) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 1-5000 U / mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng CA125 trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng CA125 - alkaline phosphatase trong bộ đệm PBS với chất bảo quản. Quy cách: 2*50 Test/hộp

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
34	HC34	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA15-3	Hộp	6	Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên ung thư 15-3 (CA15-3) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 1.0-500 U/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng CA15-3 trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng CA15-3 - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản. - Rc: Đệm TRIS với chất bảo quản. Quy cách: 2*50 Test/hộp
35	HC35	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA19-9	Hộp	6	Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên carbohydrate 19-9 (CA19-9) trong huyết tương hoặc huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 1.0-2000 U/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng CA 19-9 trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng CA 19-9- alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản. - Rc: Đệm TRIS với chất bảo quản. Quy cách: 2*50 Test/hộp

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
36	HC36	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA72-4	Hộp	6	Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên ung thư 72-4 (CA72-4) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch 2 điểm * Dải báo cáo: 0.2-300 U/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ kháng thể đơn dòng kháng CA72-4 (CC49) trong đệm TRIS có chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng kháng CA72-4 (B72.3) - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản. Quy cách: 2*50 Test/hộp
37	HC37	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CEA	Hộp	8	Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên carcinoembryonic (CEA) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 0.2-1000 ng/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng CEA trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng chống CEA (chuột) - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản. Quy cách: 2*50 Test/hộp

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
38	HC38	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Fibrinogen	Hộp	30	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen dùng xác định Fibrinogen trong huyết tương bằng phương pháp thủ công và tự động. Thành phần gồm có: - Hóa chất Fibrinogen dạng đông khô 5x2ml, thành phần: thrombin người 80 - 100 IU/ml, sodium azide < 0,01%. - Dung dịch đệm Imidazole Buffered Saline 1x100mL, pH 7.4 ± 0.2, thành phần: imidazole 0,05mol/l, đệm và chất ổn định. - Chất chuẩn: Fibrinogen huyết tương tham chiếu (dạng đông khô) 2x1mL, thành phần: huyết tương người, sodium azide < 0,01%. Khi được bảo quản ở 2-8 °C, lọ chưa mở sẽ ổn định cho đến hết hạn sử dụng. Sau hoàn nguyên hóa chất ổn định 7 ngày ở 2-8°C. Quy cách: 5x2ml/hộp
39	HC39	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT4	Hộp	6	Hóa chất xét nghiệm định lượng free thyroxine (FT4) trong huyết tương hoặc huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh *Dải báo cáo: 0.3-6.0 ng/dL *Thành phần: - Ra: vi hạt thuận từ được phủ với streptavidin trong đệm TRIS cùng chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng T4 - alkaline phosphatase trong đệm MES cùng chất bảo quản. - Rc: T4 gắn biotin trong đệm PBS với chất bảo quản. Quy cách: 2*50 Test/hộp

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
40	HC40	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Na, K, Cl	Hộp	12	Pack EasyLyte Na / K / Cl Solutions Pack sử dụng để xác định định lượng Natri (Na +), Kali (K +) và Clorua (Cl⁻) trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần và nước tiểu người bằng Máy xét nghiệm điện giải EasyLyte plus. *Thành phần: Standard A Solution, 800mL: 140.0 mmol/L Na⁺; 4.0 mmol/L K⁺; 125.0 mmol/L Cl⁻; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent Standard B Solution, 180mL: 35.0 mmol/L Na⁺; 16.0 mmol/L K⁺; 41.0 mmol/L Cl⁻; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent Wash Solution, 80mL 0.1 mol/L Ammonium bifluoride Waste Container Quy cách: 800ml/hộp
41	HC41	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Procalcitonin	Hộp	3	Hóa chất xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm miễn dịch 2 điểm *Dải báo cáo: 0.02-100 ng/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ bằng kháng thể đơn dòng chuột kháng PCT trong đệm TRIS có chất bảo quản - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng chuột kháng PCT - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản.

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
42	HC42	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PSA toàn phần	Hộp	5	Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt toàn phần (PSA toàn phần, t-PSA) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 0.008-100 ng/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ với kháng thể đơn dòng (chuột) kháng PSA trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng kháng PSA (chuột)-alkaline phosphatase trong đệm PBS với chất bảo quản Quy cách: 2*50 Test/hộp
43	HC43	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3	Hộp	6	Hóa chất xét nghiệm định lượng total triiodothyronine (T3) trong huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh *Dải báo cáo: 0.2 ng/mL-8.0 ng/mL *Thành phần: - Ra: Vi hạt thuận từ được phủ với streptavidin trong đệm HEPES với chất bảo quản - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng T3 -alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản - Rc: T3 gắn biotin trong đệm PBS với chất bảo quản - Rd: 8-Anilino-1-Napthalenesulfonic Acid (ANS) trong đệm MES với chất bảo quản Quy cách: 2*50 Test/hộp
44	HC44	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm đông máu mức bất thường	Hộp	1	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để theo dõi hiệu suất các xét nghiệm đông máu thường quy mức bất thường. Hộp 6x1ml gồm có: Huyết tương người dạng đông khô, sodium azide < 0.01% .

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
45	HC45	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm đông máu mức bình thường	Hộp	1	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để theo dõi hiệu suất các xét nghiệm đông máu thường quy mức bình thường. Hộp 6x1ml gồm có: Huyết tương người dạng đông khô, sodium azide < 0.01% .
46	HC46	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH	Hộp	6	Hóa chất xét nghiệm định lượng thyroid-stimulating hormone (TSH) trong huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 0.005-100 μ IU /mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ với kháng thể đơn dòng (chuột) kháng TSH trong đệm MES với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể kháng TSH - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản Quy cách: 2*50 Test/hộp
47	HC47	Thuốc thử xét nghiệm định lượng β -HCG	Hộp	3	Hóa chất xét nghiệm định lượng tổng số β human chorionic gonadotropin (Total β HCG) trong huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 0.5-5000 mIU/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng β HCG trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng β HCG – alkaline phosphatase trong bộ đệm PBS với chất bảo quản. - Rc: Đệm TRIS có chất bảo quản. Quy cách: 2*50 Test/hộp

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
48	HC48	Thuốc thử xét nghiệm Prothrombin Time(PT)	Hộp	9	Dùng để xác định Prothrombin Time (PT) bằng phương pháp thủ công hoặc tự động. PT-SI có thể được sử dụng để xét nghiệm các yếu tố đông máu trong các con đường đông máu ngoại sinh và con đường chung. Thành phần gồm có: - Hoá chất Thromboplastin (dạng đông khô) chứa Chiết xuất não thỏ > 10%, Sodium azide < 0,01% - Đệm CaCl ₂ , Sodium azide < 0,01% Độ ổn định: 12 ngày ở 2-8°C, 1 ngày ở 20-25°C. Quy cách: 6x10ml/Hộp
49	HC49	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Hộp	12	Dùng để làm sạch kim hút nhằm ngăn ngừa nhiễm chéo trên máy xét nghiệm đông máu. Quy cách: 5 x 15 ml. Thành phần - Buffered Salt Solution - Imidazole 0.1mol/l - HCl 0.1mol/l - Detergent 0.02%"
Tổng cộng: 49 khoản					

(Kèm theo Công văn số 967/CV-BVĐKKVTN ngày 17/09/2026 của Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An)

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An

- Công ty :

- Địa chỉ :

- Số điện thoại liên hệ :

Email:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:

- Mã số thuế:

Xin được báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

[illegible]

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế đáp ứng yêu cầu về tính năng và yêu cầu về kỹ thuật mời báo giá ví dụ: cattolo sản phẩm, CFS được cấp bởi các nước tham chiếu theo quy định tại điều 29 nghị định 98/2021/NĐ-CP....)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 120 ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2026

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ghi chú:

(1); (2); (9); (10); (11); (12); Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin theo phụ lục 1.

(3); (4); (5); (6); (7); (8); (15) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đúng thông tin của mặt hàng báo giá.

(13) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế. Đơn giá đã bao gồm các chi phí cho dịch vụ liên quan và thuế phí, lệ phí (nếu có).

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND).

Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.